

Số: 123/TB-UBND

Mỹ Hào, ngày 04 tháng 5 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở liền kề để bán đô thị xanh - Green City tại phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật đất đai;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 về bồi thường, hỗ trợ; tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc ban hành quy định về Bảng giá đất lần đầu để công bố áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên: Số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 634/QĐ-UBND ngày 14/3/2025 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thị xã Mỹ Hào; số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 quy định đơn giá bồi thường nhà, nhà ở và công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 08/2026/QĐ-UBND ngày 28/02/2026 quyết định hệ số điều chỉnh giá đất nông nghiệp làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 13/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 về việc phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 1457/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng

tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở liền kề để bán Green Sea City; số 109/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở liền kề để bán đô thị xanh - Green City; số 38/QĐ-UBND ngày 09/5/2023 quyết định chấp thuận nhà đầu tư; số 75/QĐ-UBND ngày 20/5/2025 quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư;

Căn cứ Kế hoạch số 234/KH-UBND ngày 14/11/2023 của UBND thị xã Mỹ Hào về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đến để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở liền kề để bán đô thị xanh – Green City tại phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên (nay là phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên);

Căn cứ Thông báo số 83, số 84/TB-UBND ngày 12/03/2026 của UBND phường Mỹ Hào về việc Thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở liền kề để bán đô thị xanh – Green City tại phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MỸ HÀO THÔNG BÁO

Kể từ ngày 04 / 05 /2026, Ủy ban nhân dân phường Mỹ Hào và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường tiến hành niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở liền kề để bán đô thị xanh – Green City tại phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Địa điểm niêm yết phương án: Tại trụ sở UBND phường Mỹ Hào, nhà văn hoá TDP Văn Nhuế và thông báo trên hệ thống loa truyền thanh của phường.

Thời gian niêm yết: Từ ngày 04 / 05 /2026 đến ngày 13 / 05 /2026

(Có phương án niêm yết kèm theo)

Đề nghị các hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản trên đất trong phạm vi thu hồi thực hiện dự án kiểm tra, đối chiếu số liệu của gia đình mình. Nếu có gì sai sót, hoặc nhầm lẫn, liên hệ trực tiếp với đồng chí Tổ trưởng tổ dân phố và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường để kiểm tra, xác minh.

Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm tiếp thu ý kiến của các hộ gia đình, cá nhân để báo cáo Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường.

Vậy UBND phường Mỹ Hào thông báo để nhân dân được biết và nghiêm túc thực hiện./. *ml*

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND phường (để b/c);
- Phòng KT, HT&ĐT;
- Ban QLDA ĐTXD;
- Trung tâm dịch vụ tổng hợp phường;
- Tổ dân phố Văn Nhuế;
- Lưu: VT *scct*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
MỸ HÀO
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HƯNG YÊN
Thời gian ký: 04/05/2026 14:57:57

Nguyễn Minh Tuấn



PHƯƠNG ÁN BÔI THƯỜNG HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU NHÀ Ở LIÊN KẾ ĐỀ BÀN KHU ĐÔ THỊ XANH - GREEN CITY TẠI PHƯỜNG MỸ HẢO (Dợt 3)

(Kèm theo Thông báo số 12/TH-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Mỹ Hào)

STT	Họ và tên	Căn cước công dân	Số điện thoại	Địa chỉ	Tổng diện tích được giao (m ²)	Diện tích đã thu hồi (m ²)	Diện tích đang sử dụng (m ²)	Số tờ SGR	Số thửa SGR	Số tờ Xí đồng	Số thửa Trích lục	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất	Tỷ lệ % diện tích thu hồi	Số tháng hỗ trợ gạo	Số nhân khẩu hiện tại	CÁC KHOẢN BÔI THƯỜNG, HỖ TRỢ				Tổng các khoản BTHH (đồng)	
																	Bồi thường về đất (100.000 đ/m ²)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề (3*100.000 đ/m ²)	Hỗ trợ ổn định đời sống			
																			DT đất thu hồi từ 30%-70%	DT đất thu hồi > 70%		
1	Đặng Xuân Mạnh (đã chết),			TDP Văn Nhuế	3.600,0	2.028,0	1.572,0					1296		82,4%	12	5	129.600.000	388.800.000		30.600.000	549.000.000	
	Nguyễn Thị Khách	033158001539	0979653903					4	222/3	Giộc Hén	8	843	276	LUC								
	Đặng Xuân Hón	033082002624						4	23/2+3	Giộc Đường	8,7	663,841	444	LUC								
	Đặng Thị May							4	75/6	Giộc Vang	7	928	138	LUC								
	Đặng Thị Hồng Ngán							4	46/5	Vườn Kính	7	847	438	LUC								
	Đặng Thị Thìn																					
2	Đặng Văn Hiến Đặng Thị Mạ Đặng Văn Hiến Đặng Thị Hương	033062000229 033164000246 033090006018		TDP Văn Nhuế	2.400,0	2.231,0	169,0	4	133/3	Vườn Hồng	7	1154,1155	169	LUC	100,0%	12	4	16.900.000	50.700.000		24.480.000	92.080.000
Tổng												1465					146.500.000	439.500.000	0	55.080.000	641.080.000	

PHỤ LỤC CHI TIẾT
PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT KINH NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU NHÀ Ở LIỀN KỀ ĐỀ BÀN ĐỒ THỊ XANH - GREEN CITY TẠI PHƯỜNG MỸ HẠO

(Kèm theo Thông báo số: 123 TB-UBND ngày 14 tháng 15 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Mỹ Hào)

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ	VỊ TRÍ THỪA ĐẤT			BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CÂY CỎI, HOA MÀU, VẬT NUÔI										TỔNG TIỀN CÂY CỎI, HOA MÀU	Làm tròn
			SỐ THỪA TL	TỜ TL	DIỆN TÍCH THU HỒI (m²)	STT	LOẠI CÂY	ĐVT	ĐƯỜNG KÍNH GỐC (cm)	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	MẬT ĐỘ (m2/cây)	DIỆN TÍCH CÂY (m²)	HỆ SỐ TÍNH	THÀNH TIỀN $(16) = (11) * (12) * (15)$		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		17	18
1	Đặng Văn Hiến, Đặng Thị Mạ, Đặng Văn Hiến Đặng Thị Hường	TDP Văn Nhuế	1154, 1155	7	169											5.136.000	5.136.000
						1	Cây chuối (không quả)	Khóm		35,0	150.000	4,0	140,0	80%	4.200.000		
						2	Cây Đổ. DT: 13*1,5	m²		19,5	20.000		19,5	80%	312.000		
						3	Rau. DT: 13*3	m²		39,0	20.000		39,0	80%	624.000		
2	Đặng Xuân Mạnh (đã chết) Nguyễn Thị Khách Đặng Xuân Hơn, Đặng Thị May, Đặng Thị Hồng Ngân, Đặng Thị Thìn	TDP Văn Nhuế														98.111.360	98.111.000
			928	7	138											5.840.000	
						1	Cây Nhãn (giống)	m²		7,0	180.000		7,0	80%	1.008.000		
						2	Cây Chuối (có quả)	Khóm		4,0	200.000	4,0	16,0	80%	640.000		
							Cây Chuối (không quả) (trong mật độ)	Khóm		28,0	150.000	4,0	112,0	80%	3.360.000		
							Cây Chuối (không quả) (vượt mật độ ≤ 30%)	Khóm		10,0	150.000	4,0	40,0	24%	360.000		
							Cây Chuối (không quả) (vượt mật độ > 30%)	Khóm		11,0	150.000	4,0	44,0	0%	-		
						3	Cây Đinh Lăng	cây	<2	6,0	50.000	0,4	15,0	24%	72.000		
						4	Khoai Lang	m²		40,0	12.500		40,0	80%	400.000		
						5	Rau cải	m²		9,0	20.000		9,0	0%	-		
						6	Sả	m²		12,0	20.000		12,0	0%	-		
						7	Sắn	m²		8,8	12.500		8,8	0%	-		
			841, 663	7, 8	444										-	48.320.800	
						1	Cây Nhãn	Cây	12 ≤ ĐK < 20	1,0	3.750.000	25,00	25,00	80%	3.000.000		
						2	Cây Nhãn (trong mật độ)	Cây	7 ≤ ĐK < 12	17,0	2.700.000	25,00	425,00	80%	36.720.000		
							Cây Nhãn (vượt mật độ < 30%)	Cây	7 ≤ ĐK < 12	5,0	2.700.000	25,00	125,00	24%	3.240.000		
							Cây Nhãn (vượt mật độ > 30%)	Cây	7 ≤ ĐK < 12	27,0	2.700.000	25,00	675,00	0%	-		

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ	VỊ TRÍ THỪA ĐẤT			BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CÂY CỎI, HOA MÀU, VẬT NUÔI										TỔNG TIỀN CÂY CỎI, HOA MÀU	Làm tròn	
			SỐ THỪA TL	TỜ TL	DIỆN TÍCH THU HỒI (m²)	STT	LOẠI CÂY	ĐVT	ĐƯỜNG KÍNH GỐC (cm)	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	MẶT ĐỘ (m2/cây)	DIỆN TÍCH CÂY (m²)	HỆ SỐ TÍNH	THÀNH TIỀN			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	(16) = (11)*(12)*(15) 1	17	18	
							Cây Nhãn	Cây	5 ≤ ĐK < 7	2,0	1.125.000	25,00	50,00	0%	-			
							Cây Nhãn	Cây	< 5	3,0	370.000	25,00	75,00	0%	-			
							Cây Nhãn (giống)	m²		8,25	180.000		8,25	0%	-			
						2	Cây Đào	Cây	1 < ĐK ≤ 2	5,0	100.000	5,0	25,0	24%	120.000			
							Cây Đào	Cây	2 < ĐK ≤ 3	19,0	150.000	5,0	95,0	24%	684.000			
							Cây Đào	Cây	3 < ĐK ≤ 4	12,0	250.000	5,0	60,0	24%	720.000			
							Cây Đào	Cây	4 < ĐK ≤ 5	16,0	320.000	5,0	80,0	24%	1.228.800			
							Cây Đào	Cây	5 < ĐK ≤ 10	16,0	350.000	5,0	80,0	24%	1.344.000			
							Cây Đào	Cây	10 ≤ ĐK	13,0	400.000	5,0	65,0	24%	1.248.000			
						3	Cây Chuối (không quả)	Khóm		13,0	150.000	0,3	52,0	0%	-			
						4	Sắn	m²		1,0	12.500		1,0	0%	-			
						5	Sả	m²		1,0	20.000		1,0	80%	16.000			
						6	Cây Keo (giống)	m²		28,0	80.000		28,0	0%	-			
						7	Sung (áp dụng giá cây lộc vừng)	cây	2	2,0	25.000	0,15	13,3	0%	-			
						8	Cây Vối	cây	3,5	1,0	54.000	0,15	6,7	0%	-			
							Cây Vối	cây	8< ĐK ≤15	3,0	228.000	0,15	20,0	0%	-			
							Cây Vối	cây	15 < ĐK ≤25	3,0	378.000	0,15	20,0	0%	-			
				847	7	438										-	25.737.600	
							1	Cây Nhãn	Cây	22,3	1,0	3.850.000	25,00	25,0	80%	3.080.000		
							2	Cây Keo	Cây	79,6	1,0	980.000	6,67	6,7	80%	784.000		
								Cây Keo	Cây	40<ĐK≤60	5,0	730.000	6,67	33,3	80%	2.920.000		
							3	Cây Keo	Cây	25<ĐK≤40	34,0	500.000	6,67	226,7	80%	13.600.000		
								Cây Keo	Cây	15< ĐK ≤25	9,0	290.000	6,67	60,0	80%	2.088.000		
								Cây Keo	Cây	Đk < 2cm	1,0	35.000	6,67	6,7	80%	28.000		
							4	Cây hoa sữa	cây	25,5	1,0	520.000	6,67	6,7	80%	416.000		
							5	Cây Vối	cây	25,4	1,0	520.000	6,67	6,7	80%	416.000		
								Cây Vối	cây	15 < ĐK ≤25	2,0	378.000	6,67	13,3	80%	604.800		
							6	Cây Trứng Cá	cây	7,0	3,0	112.000	6,67	20,0	80%	268.800		
					7	Cây Mít (giống)	m²		10,0	180.000		10,0	80%	1.440.000				

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ	- VỊ TRÍ THỪA ĐẤT			BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CÂY CỎI, HOA MÀU, VẬT NUÔI										TỔNG TIỀN CÂY CỎI, HOA MÀU	Làm tròn
			SỐ THỪA TL	TỜ TL	DIỆN TÍCH THU HỒI (m ²)	STT	LOẠI CÂY	ĐVT	ĐƯỜNG KÍNH GỐC (cm)	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	MẬT ĐỘ (m ² /cây)	DIỆN TÍCH CÂY (m ²)	HỆ SỐ TÍNH	THÀNH TIỀN		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	(16) = (11)*(12)*(15)	17	18
						8	Sả	m ²		5,75	20.000		5,75	80%	92.000		
			843	8	276										-	18.212.960	
						1	Cây Bưởi	Cây	5,7	1,0	1.100.000	20,00	20,0	80%	880.000		
							Cây Bưởi	Cây	4,8	1,0	350.000	20,00	20,0	80%	280.000		
						2	Cây Sanh	Cây	30 < ĐK	4,0	650.000	6,67	26,7	80%	2.080.000		
							Cây Sanh	Cây	21,6	1,0	550.000	6,67	6,7	80%	440.000		
							Cây Sanh	Cây	15 < ĐK ≤ 20	6,0	450.000	6,67	40,0	80%	2.160.000		
							Cây Sanh	Cây	10 < ĐK ≤ 15	6,0	350.000	6,67	40,0	80%	1.680.000		
							Cây Sanh	Cây	5 < ĐK ≤ 10	2,0	250.000	6,67	13,3	80%	400.000		
						3	Cây Vối	Cây	25 < ĐK ≤ 40	4,0	520.000	6,67	26,7	80%	1.664.000		
							Cây Vối	Cây	15 < ĐK ≤ 25	2,0	378.000	6,67	13,3	80%	604.800		
							Cây Vối	Cây	8 < ĐK ≤ 15	2,0	228.000	6,67	13,3	80%	364.800		
						4	Cây Bàng	Cây	24,0	1,0	378.000	6,67	6,7	80%	302.400		
						5	Cây Nhãn (giống) DT: 9x3,5m	m ²		31,5	180.000		31,5	80%	4.536.000		
						6	Cây Mít (giống) DT: 4x4 m	m ²		16,0	180.000		16,0	80%	2.304.000		
						7	Cây Chuối (không quả) (vượt mật độ < 30%)	Khóm		10,0	150.000	4,00	40,0	24%	360.000		
						8	Cây Trứng Cá (vượt mật độ > 30%)	cây	3,0	1,0	54.000	6,7	6,7	24%	12.960		
						9	Sả	m ²		9,0	20.000		9,0	80%	144.000		
						10	Sắn	m ²		3,75	12.500		3,8	0%	-		
															103.247.360	103.247.360	103.247.000
			Tổng												103.247.360	103.247.360	103.247.000